TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/KDTM-ST
Ngày: 25-04-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ôn Kim Chi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Đặng Văn Ẩn.

2- Bà Nguyễn Thị Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 25 tháng 04 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2024/TLST-KDTM ngày 10 tháng 12 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2025/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 03 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 196/2025/QĐST-KDTM ngày 03 tháng 04 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C**

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9 – 26 – 27 – 28 – 29, Cao ốc S, số 35 Tôn Đức T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Cheng Yi – C**, Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Diệp Yến B**, chức vụ: Trưởng phòng Thu hồi Công nợ (Theo giấy ủy quyền số 01.2024/GUQ – COL do Tổng giám đốc Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C ký ngày 02/01/2024).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà **Nguyễn Thị Xuân H**, sinh năm 2002; Địa chỉ liên hệ: Tầng 28, Cao ốc S, Số 37 Tôn Đức T, phường B, quận A, Thành phố Hồ

Chí Minh. (Vắng mặt và nộp đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: **Công ty TNHH T**.

Địa chỉ: D2/10A đường kênh T, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện pháp luật của công ty: Bà **Trần Gia N**, sinh năm: 1983; Địa chỉ: 118/14/13 Hòa B, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1- Bà **Trần Gia N**, sinh năm: 1983; Địa chỉ: 118/14/13 Hòa B, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

2- Ông **Đàm Vi H**, sinh năm: 1981; Địa chỉ: 360/28 Tân Hòa Đ, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

3- Bà **Đàm Kinh V**, sinh năm: 1994; Địa chỉ: 470/29/17 Hương lộ X, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 09 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C có bà Nguyễn Thị Xuân H trình bày như sau:

Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C (gọi tắt là Công ty cho thuê) và Công ty TNHH T có ký kết hợp đồng cho thuê tài chính cụ thể như sau:

1. Ngày 28/03/2022, ký kết hợp đồng cho thuê tài chính số F220342702. Tài sản thuê gồm:

Hợp đồng thuê	Tài sản thuê	Số lượng
F220342702	Dây chuyền sản xuất giấy carton 5 lớp	01

2. Ngày 14/06/2022, tiếp tục ký kết hợp đồng cho thuê tài chính số F220621302 tài sản thuê là:

Hợp đồng thuê	Tài sản thuê	Số lượng
F220621302	Dây chuyền sản xuất giấy carton 2 lớp	02

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của Công ty TNHH T theo Hợp đồng thuê, Công ty cho thuê chấp nhận các thư bảo lãnh cá nhân của ông Đàm Vi H, bà Trần

Gia N. Theo đó, trường hợp Công ty TNHH T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê, ông Đàm Vi H, bà Trần Gia N cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Công ty TNHH T. Công ty TNHH T đã ký Giấy chứng nhận nghiệm thu Tài sản thuê vào ngày 31/3/2022 và ngày 16/06/2022.

Hợp đồng thuê được cấp Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 02/4/2022 và ngày 20/06/2022.

+ Tổng giá trị của tài sản đối với hợp đồng cho thuê tài chính số F220342702 là 912.000.000 đồng, trong đó, Công ty TNHH T trả trước 364.800.000 đồng, Công ty C tài trợ vốn với giá trị còn lại tương ứng ("Giá trị thuê") là 547.200.000 đồng. Lãi suất thuê là lãi suất cố định: 15.30%/năm. Thời hạn thuê là 30 tháng, bắt đầu từ ngày 31/03/2022 đến ngày 25/09/2024.

+ Tổng giá trị của tài sản đối với hợp đồng cho thuê tài chính số F220621302 là 1.620.000.000 đồng, trong đó, Công ty TNHH T trả trước 648.000.0000 đồng, Công ty C tài trợ vốn với giá trị còn lại tương ứng ("Giá trị thuê") là 972.000.000 đồng. Lãi suất thuê là lãi suất cố định: 15.50%/năm. Thời hạn thuê là 36 tháng, bắt đầu từ ngày 16/06/2022 đến ngày 10/06/2025.

Hàng tháng, Công ty TNHH T phải thanh toán cho Công ty cho thuê tiền thuê bao gồm một phần Vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền Vốn gốc mà Công ty cho thuê đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Trước khi Công ty TNHH T trả hết toàn bộ Vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty cho thuê vẫn là chủ sở hữu của Tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu, v.v. đối với Tài sản thuê. Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều 26 của Hợp đồng thuê, nếu Công ty TNHH T vi phạm nghĩa vụ thanh toán Tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty cho thuê đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi Tài sản thuê và yêu cầu Công ty TNHH T bồi thường thiệt hại (nếu có).

Ngày 12/03/2024 Công ty cho thuê đã thu hồi Tài sản thuê là Một (01) Dây chuyền sản xuất giấy carton 5 lớp; Một (01) Dây chuyền sản xuất giấy carton 2 lớp theo các Hợp đồng cho thuê tài chính của Công ty TNHH T.

Ngày 16/04/2024 Công ty cho thuê đã tiền hành thanh lý các Tài sản thuê của các Hợp đồng cho thuê tài chính. Sau khi dùng toàn bộ số tiền thu được từ việc thanh lý tài

sản thuê (chưa VAT) là 327.272.727 đồng và tổng Tiền ký cược là 253.200.000 đồng để trừ vào số Tiền thuê còn nợ và các chi phí khác có liên quan thì số tiền này vẫn chưa đủ thanh toán hết khoản nợ mà Công ty TNHH T còn thiếu Công ty C.

Cho đến nay, mặc dù đã nhiều lần làm việc nhưng Công ty TNHH T vẫn chưa thanh toán hết số tiền mà Công ty TNHH T còn nợ Công ty C.

Ngày 12/02/2025, Công ty TNHH T đã thanh toán cho Công ty C số tiền là 20.000.000 đồng.

Vì vậy, Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C yêu cầu Công ty TNHH T trả số tiền thuê còn nợ tính đến ngày 03/04/2025 là 158.080.758 đồng (Trong đó nợ gốc là 33.543.770 đồng; Nợ lãi trong hạn các khoản thu khác tính đến ngày 28/02/2024 là 124.536.988 đồng; Nợ lãi quá hạn tính từ ngày 29/02/2024 đến ngày 03/04/2025 là 0 đồng). Đồng thời buộc Công ty TNHH T thanh toán tiền tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 04/04/2025 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quy định tại hợp đồng thuê. Trường hợp Công ty TNHH T không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên thì buộc người bảo lãnh là ông Đàm Vi H, bà Trần Gia N và bà Đàm Kinh V có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C có bà Nguyễn Thị Xuân H vắng mặt và có nộp yêu cầu Toà giải quyết vắng mặt.

Bị đơn – Đại diện Công ty TNHH T là bà Trần Gia N đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh tống đạt tại địa chỉ D2/10A đường kênh T, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh gồm các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đại diện Công ty TNHH T vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử và không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình cũng như nộp các tài liệu chứng cứ khác đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C.

Tại phiên tòa đại diện Công ty TNHH T vắng mặt không lý do.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Đàm Vi H, bà Trần Gia N và bà Đàm Kinh V đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh tống đạt tại địa chỉ của bà Trần Gia N số: 118/14/13 Hòa B, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; tại địa chỉ của ông Đàm Vi H số: 360/28 Tân Hòa Đ, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; và tại địa chỉ của bà Đàm Kinh V số 470/29/17 Hương lộ X, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh gồm các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng các ông/bà như: ông Đàm Vi H, bà Trần Gia N và bà Đàm Kinh V cùng vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử và không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình cũng như nộp các tài liệu chứng cứ khác đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C đối với Công ty TNHH T.

Tại phiên tòa các ông bà như: ông Đàm Vi H, bà Trần Gia N và bà Đàm Kinh V vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:*

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn - Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C nộp đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn - Công ty TNHH T, địa chỉ trụ sở tại: D2/10A đường kênh T, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn và bị đơn đều có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nguyên đơn có ký hợp đồng tín dụng với bị đơn, bị đơn có nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị

để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh cho mình và đề nghị nguyên đơn tài trợ tài chính, hai bên đều có mục đích tìm kiếm lợi nhuận. Vì vậy, đây là vụ án kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Đại diện uỷ quyền của nguyên đơn nộp đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đại diện theo pháp luật của bị đơn – bà Trần Gia N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Gia N, bà Đàm Kinh V, ông Đàm Vi H vắng mặt tại phiên tòa xét xử đến lần thứ 2. Căn cứ Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định là phiên tòa dân sự sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử.

[1.4] Về pháp luật áp dụng giải quyết vụ án: Do hợp đồng tín dụng của các bên đương sự thực hiện vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết vụ án.

[2]. *Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:*

[2.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ còn thiếu tính đến hết ngày 25/4/2025 là: 158.080.758 đồng (trong đó: nợ gốc: 33.543.770 đồng, nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác: 124.536.988 đồng, nợ lãi quá hạn: 0 đồng) và bị đơn còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 26/04/2025, tính trên nợ gốc với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng thuê tài chính. Trường hợp bị đơn không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên thì buộc người bảo lãnh là bà Trần Gia N, ông Đàm Vi H, bà Đàm Kinh V có trách nhiệm liên đới thanh toán cho nguyên đơn cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ.

[2.2] Bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án tại trụ sở chính của công ty, nhưng đại diện theo pháp luật của công ty bà Trần Gia N vắng mặt và không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình cũng như nộp các tài liệu chứng cứ khác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì được coi là từ bỏ quyền trình bày và yêu cầu của mình trước Toà án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ làm cơ sở giải quyết.

[2.3] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án tại nơi cư trú, nhưng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà Trần Gia N, bà Đàm Kinh V, ông Đàm Vi H vắng mặt và không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình cũng như nộp các tài liệu chứng cứ khác đối với

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì được coi là từ bỏ quyền trình bày và yêu cầu của mình trước Toà án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ làm cơ sở giải quyết.

[3] Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Do bị đơn có nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình nên bị đơn đề nghị nguyên đơn tài trợ tài chính, nên nguyên đơn và bị đơn có ký kết 02 hợp đồng cho thuê tài chính: hợp đồng cho thuê tài chính số F220342702, ngày 28/03/2022 và hợp đồng cho thuê tài chính số F220621302 ngày 14/06/2022. Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của bị đơn, thì các cá nhân ông Đàm Vi H, bà Trần Gia N, bà Đàm Kinh V đồng ý bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bị đơn (bên thuê tài chính) với số tiền bảo lãnh bằng khoản tiền bên thuê tài chính (bị đơn) phải trả theo 02 hợp đồng thuê nêu trên (Theo thư bảo lãnh cá nhân ngày 14/06/2022 – bút lục 57, 54, 52). Nguyên đơn có thực hiện đăng ký bảo đảm, hợp đồng tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, Cục đăng ký Quốc gia giao dịch bảo đảm, Bộ Tư pháp ký ngày 02/04/2022. Hội đồng xét xử xét thấy đây là hình thức mua và cho thuê tài sản lại theo quy định của pháp luật về cho thuê tài chính, bị đơn đã ký giấy chứng nhận nghiệm thu Tài sản thuê vào ngày 31/03/2022 phù hợp quy định tại Điều 18, Điều 26 của Thông tư số 26/2024/TT-NHNN ngày 28/06/2024 của Ngân hàng Nhà Nước quy định về hoạt động cho thuê Tài chính của công ty tài chính tổng hợp, Công ty cho thuê tài chính.

[3.2] Tổng giá trị hợp đồng cho thuê tài chính số F220342702, ngày 28/03/2022 là 912.000.000 đồng, bị đơn đã trả trước 364.800.000 đồng, nguyên đơn tài trợ vốn với giá trị còn lại tương ứng "Giá trị thuê" là 547.200.000 đồng, lãi suất cho thuê cố định: 15.30%/năm. Thời hạn cho thuê là 30 tháng, bắt đầu từ ngày 31/03/2022 đến ngày 25/09/2024 và Tổng giá trị hợp đồng cho thuê tài chính số F220621302 ngày 14/06/2022 là 1.620.000.000 đồng, bị đơn đã trả trước 648.000.000 đồng, nguyên đơn tài trợ vốn với giá trị còn lại tương ứng "Giá trị thuê" là 972.000.000 đồng, Lãi suất cho thuê cố định: 15.50%/năm. Thời hạn cho thuê 36 tháng, bắt đầu từ ngày 16/06/2022 đến ngày 10/06/2025. Trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn thường xuyên không thanh toán đúng hạn, nguyên đơn có liên hệ, đề nghị thanh toán. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ

thanh toán tiền thuê theo quy dịnh tại Điều 26 của hợp đồng thuê nên nguyên đơn đã chấm dứt hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê ngày 26/02/2024 (Biên bản giao trả tài sản – bút lục 87), số tiền bị đơn còn nợ đối với 2 hợp đồng thuê tại thời điểm ngày 28/02/2024 là 716.757.485 đồng. Ngày 15/03/2024 nguyên đơn đã thông báo xúc tiến thanh lý tài sản thuê và tiền ký cược nhưng vẫn chưa đủ thanh toán nợ, ngày 12/02/2025 bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng thì ngưng. Hội đồng xét xử xét thấy tại thời điểm ngày 25/04/2025 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 158.080.758 đồng (trong đó: nợ gốc: 33.543.770 đồng, nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác: 124.536.988 đồng) là có cơ sở xem xét yêu cầu của nguyên đơn.

[3.3] Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn T - Bị đơn thì danh sách thành viên góp vốn có 2 thành viên gồm có: bà Trần Gia N, bà Đàm Kinh V; Vốn điều lệ: 1.500.000.000 đồng (một tỷ, năm trăm triệu đồng); Mã số doanh nghiệp: 0316310135. Người đại theo pháp luật của công ty: bà Trần Gia N. Căn cứ Thư bảo lãnh cá nhân nhân của: ông Đàm Vi H, bà Trần Gia N, bà Đàm Kinh V đồng ý bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bị đơn với số tiền bảo lãnh bằng khoản tiền bị đơn phải trả theo 02 hợp đồng thuê nêu trên (Theo thư bảo lãnh cá nhân ngày 14/06/2022 – bút lục 57, 54, 52). Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn yêu cầu bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Đàm Vi H, bà Trần Gia N, bà Đàm Kinh V có nghĩa vụ liên đới thanh toán sồ tiền nợ cho nguyên đơn là có cơ sở xem xét, phù hợp quy định tại Điều 335, Điều 342 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.4] Trường hợp bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Đàm Vi H, bà Trần Gia N, bà Đàm Kinh V chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ nêu trên thì bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Đàm Vi H, bà Trần Gia N, bà Đàm Kinh V vẫn phải tiếp tục liên đới thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 26/04/2025 cho đến khi trả dứt tiền nợ theo lãi suất qui định tại Hợp đồng cho thuê tài chính số số F220342702, ngày 28/03/2022 và hợp đồng cho thuê tài chính số F220621302 ngày 14/06/2022. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn tiếp tục tính lãi theo hợp đồng là phù hợp quy định tại Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

[3.5] Các đương sự có quyền thỏa thuận phương thức giao nhận tiền và nơi thực

hiện việc giao nhận tiền. Trường hợp không thỏa thuận được thì các đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3.6] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 24.343.059 đồng. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 133, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc tế C đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T.

2. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T trả cho Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc tế C số tiền nợ còn thiếu là: 158.080.758 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu, không trăm tám mươi nghìn, bảy trăm năm mươi tám đồng) (trong đó: nợ gốc: 33.543.770 đồng, nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác: 124.536.988 đồng).

3. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T trả cho Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc tế C tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 26/04/2025 cho đến khi trả dứt tiền nợ theo lãi suất qui định tại Hợp đồng cho thuê tài chính số số F220342702, ngày 28/03/2022 và hợp đồng cho thuê tài chính số F220621302 ngày 14/06/2022.

4. Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì người bảo lãnh là ông Đàm Vi H, bà Trần Gia N, bà Đàm Kinh V có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc tế C toàn bộ số tiền nợ nêu trên cho đến khi trả dứt nợ.

5. Các đương sự có quyền thỏa thuận phương thức giao nhận tiền và nơi thực hiện việc giao nhận tiền. Trường hợp không thỏa thuận được thì các đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 7.904.038 đồng (Bảy triệu, chín trăm linh bốn nghìn, không trăm ba mươi tám đồng), nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả lại cho Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc tế C số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 4.123.230 đồng mà Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc tế C đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án số 0051428 ngày 04/12/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Các đương sư (14);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ôn Kim Chi